

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 4:
Mua vật tư y tế tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 04/03/2023 của Chính Phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: Số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017 ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế; số 14/2020/TT-BYT ngày 10/07/2020 về việc quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định 98/2021/NĐ-CP; số 14/2022/TT-BYT ngày 06/12/2022 về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 1646/TTr-BVĐKT ngày 29/05/2023; kèm theo Báo cáo thẩm định số 74/BC-TTĐ ngày 25/05/2023 của Tổ thẩm định, Sở Y tế về kết quả thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu số 4: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu số 4: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2023, gồm những nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 4: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa năm 2023
2. Phân chia gói thầu: Toàn bộ danh mục các mặt hàng là 01 gói thầu, được chia 100 phần (102 mặt hàng), *(Chi tiết tại phụ lục danh mục vật tư y tế kèm theo).*
3. Giá gói thầu: 64.371.320.000 *(Bằng chữ: Sáu mươi tư tỷ ba trăm bảy mươi một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).*
4. Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.
5. Nguồn vốn: Nguồn quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu từ các dịch vụ y tế và các nguồn vốn hợp pháp khác của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.
6. Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức lựa chọn nhà thầu
 - Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (trong nước, qua mạng, xét theo từng phần).
 - Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
 - Tổ chức thực hiện: Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.
 - Gói thầu không yêu cầu các nhà thầu chào thầu trọn gói. Bên mời thầu sẽ xem xét nhà thầu trúng thầu của gói thầu theo từng phần cụ thể.
7. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
9. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II,III/2023.

Điều 2. Chủ đầu tư (Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

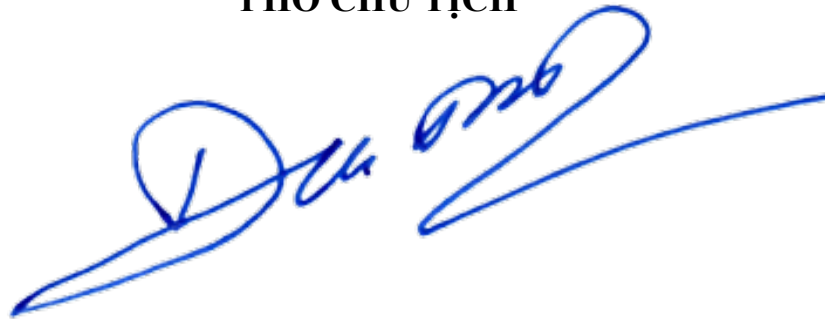
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VXslh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC:**Danh mục vật tư y tế gói thầu số 4: Mua vật tư y tế tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2023**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
			2.4 Vật liệu cầm máu, điều trị các vết thương					
1	1	N02.04.050	Sáp cầm máu xương	Sáp cầm máu xương: thành phần chính 80% sáp ong tinh chế và 20% isopropyl palmitate. (2,5gam);	Miếng	25.600	1.400	35.840.000
2	2	N02.04.050	Miếng cầm máu động mạch đùi chất liệu chitosan	- Thành phần từ chitosan - Hoạt động với cơ chế chitosan mang điện tích dương thu hút hồng cầu và tiểu cầu mang điện tích âm, hình thành tương tác ion. - Tạo một hàng rào kháng khuẩn chống lại 24 vi sinh vật bao gồm MRSA, VRE, A. baumannii. - Thời gian ép 5-10 phút đối với chập mạch, 10-15 phút đối với can thiệp. - Có thể duy trì hoạt động tối đa 48 giờ. Dễ dàng tháo ra bằng cách tắm nước hoặc nước muối - Cỡ 1.5 x 1.5 inch và 2 x 2 inch	Cái	870.000	150	130.500.000
			3.1 Bơm tiêm					
3	3	N03.01.020	Bơm cân quang	Bơm tiêm làm từ Polycarbonate chịu áp lực tốt, nhìn thấy dòng chảy và bọt khí bên trong. Piston hoạt động trơn tru. Vạch chia rõ ràng và chính xác, Pit-tông kín khí, không bị rò rỉ khi bơm. Đầu Luer cố định, không chứa latex. Dung tích 10, 20, 30 ml.	Cái	53.000	1.000	53.000.000
4	4	N03.01.030	Bơm tiêm màu	- Bơm tiêm thuốc cân quang dung tích: 1, 10, 20ml - Thân ống trong suốt giúp dễ dàng quan sát dòng chảy và bọt khí bên trong - Pittong thiết kế 6 màu sắc khác nhau. - Pitong hoạt động trơn tru, vạch chia độ rõ nét, khóa luer xoay được đảm bảo an toàn đầu nối. Được thiết kế để sử dụng 1 tay.	Cái	68.000	400	27.200.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
			3.3 Kim chọc dò, sinh thiết và các loại kim khác					
5	5	N03.03. 130	Ống thông 7cm đốt tĩnh mạch đóng nhẹ ít xâm lấn bằng sóng cao tần	Ống thông tĩnh mạch sử dụng sóng cao tần, chiều dài đầu đốt 3cm hoặc 7cm, đường kính đầu đốt là 2.3mm, luôn phát nhiệt ổn định ở 120 độ C. Ống thông Closurefast sử dụng công nghệ đốt theo đoạn Tương thích với dụng cụ mở đường có đường kính trong tối thiểu 7F (2.3mm) Tương thích với dây dẫn 0.025"(0.64mm). Chiều dài ống thông 60cm hoặc 100cm. Nghiên cứu theo dõi bệnh nhân sau 5 năm điều trị, tỉ lệ bệnh nhân không có dòng trào ngược lên tới 94.9%.	Cái	13.000.000	250	3.250.000.000
6	6	N03.03. 140	Dây đốt laser nội mạch	Đầu đốt laser nội mạch gồm sợi quang học với đường kính trong 600µm và 400µm - Máy có Thẻ SmarterCard Lưu trữ thông tin bệnh nhân(Ngày can thiệp, họ tên Bệnh nhân, giới tính, cân can thiệp, tĩnh mạch hiển lớn hoặc tĩnh mạch nhỏ, Tổng năng lượng đốt cho bệnh nhân) - Chiều dài của ống thông 2,5m - Đường kính dây 600µm ; 400 µm - Đường kính đầu phát nhiệt 1,8mm ; 1,0mm - Tương thích với introducers: 4F; 5F; 6F - Điều trị mọi loại tĩnh mạch - Tương thích với máy Endotherme™ 1470 (hoặc tương đương)	Cái	11.000.000	200	2.200.000.000
			3.7 Túi, lọ và vật tư bao gói khác					
7	7	N03.07. 070	Ống nghiệm lấy máu chân không Trisodium Citrate 3.2%	Ống nghiệm chân không Sodium Citrate 3,2% được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không.	Ống	1.250	70.000	87.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
			4.1 Ống thông					
8	8	N04.01. 010	Cannula hút tim trái các cỡ	Cannula hút tim trái, làm từ PVC, có thông khí, thân uốn được, cỡ 15Fr với đầu có 20 lỗ thông, cỡ 13Fr với đầu có 09 lỗ, dài 38.1cm.	Cái	800.000	10	8.000.000
9	9	N04.01. 010	Ống hút ngoài tim	Ống hút trong/ ngoài tim cỡ 20Fr đầu nối 1/4"(0.64cm) dài 38.1cm	Cái	800.000	10	8.000.000
10	10	N04.01. 010	Ống tĩnh mạch thẳng các cỡ	Cannula tĩnh mạch 1 tầng, đầu thẳng cỡ 24Fr, 26Fr, 28Fr, 30Fr có thân chống xoắn, đầu có nhiều lỗ, co nối 1/4"-3/8" dài 30.5- 40.6 cm.	Cái	1.200.000	5	6.000.000
11	11	N04.01. 010	Cannula tĩnh mạch gập góc đầu sắt 20Fr co nối 1/4 in; 3/8 in	Cannula tĩnh mạch 1 tầng đầu kim loại cong, đầu vát, thân chống xoắn, vị trí kết nối 1/4 in dài 35.6 cm cỡ 20Fr; 3/8 in dài 35.6 cm cỡ 20Fr	Cái	1.300.000	10	13.000.000
12	12	N04.01. 010	Cannula tĩnh mạch gập góc đầu sắt số 22Fr, 24Fr	Cannula tĩnh mạch 1 tầng đầu kim loại cong, đầu vát, thân chống xoắn, vị trí kết nối 3/8 in dài 35.6 cm cỡ 22Fr, 24Fr	Cái	1.300.000	20	26.000.000
13	13	N04.01. 010	Canula động mạch thẳng, đầu vát các cỡ	Cannula động mạch thẳng, đầu vát, thân trơn dài, sử dụng cho trẻ em và người lớn. Chiều dài 7 in có các cỡ 18Fr, 20Fr, 22Fr với đầu nối cỡ 3/8in	Cái	910.000	5	4.550.000
14	14	N04.01. 010	Cannula tĩnh mạch 2 tầng các cỡ	Cannula tĩnh mạch 2 tầng chống xoắn, đầu có lỗ bên, có wire bên trong và marker đánh dấu độ sâu, cỡ 28/36 Fr với vị trí kết nối 3/8, chiều dài 15in (38.1 cm); cỡ 32/40 Fr với vị trí kết nối 1/2, chiều dài 15in (38.1 cm)	Cái	1.200.000	5	6.000.000
15	15	N04.01. 010	Cannula động mạch đùi/ tĩnh mạch cảnh các cỡ	Cannula động mạch đùi/ tĩnh mạch cảnh, cỡ 17Fr, 19Fr, 21Fr có thành mỏng và thân chống xoắn linh hoạt cho dòng chảy tối đa, có vòng chỉ chặn xạ, co nối 3/8 dài 31.8cm, đầu tip 18 cm. Cap silicon và chọc mạch làm từ PVC non-phtalate giúp tăng cường chức năng.	cái	11.500.000	5	57.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
16	16	N04.01. 010	Cannula tĩnh mạch đùi cỡ các cỡ	Cannula tĩnh mạch đùi có thành mỏng và thân chống xoắn linh hoạt cho dòng chảy tối đa, có vòng khâu chắn xạ, lỗ bên tại vị trí SVC và IVC gần tĩnh mạch gan cho phép dẫn lưu kiểu bicaval, co nối 3/8 in không thông khí -cỡ 17Fr dài 64.8cm, chiều dài đầu tip 48,9 cm -cỡ 19Fr dài 69.9cm, chiều dài đầu tip 54.0 cm -cỡ 21Fr dài 69.9cm, chiều dài đầu tip 54.0 cm -cỡ 23Fr dài 76.2cm, chiều dài đầu tip 60.0 cm	Cái	11.500.000	5	57.500.000
17	17	N04.01. 010	Bộ kit Cannula động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cánh các cỡ	Cannula động mạch đùi/ tĩnh mạch cánh cỡ 19 Fr, 21Fr, 23Fr, 25Fr có thành mỏng và thân chống xoắn linh hoạt cho dòng chảy tối đa, co nối 3/8 dài 31.8cm, đầu tip 18 cm. Nắp đây làm từ silicone với chọc mạch làm từ PVC non-phthalat giúp tăng cường chức năng. Cannula đi cùng bộ kit bao gồm: - 1 guidewire 100cmx0.038in - Nong mạch từng bước , 8Fr/10Fr 12Fr/14Fr, 16Fr/18Fr - 1 kẹp giữ cannula - 1 kim Seldinger 18 ga, - 1 dao #11	cái	11.500.000	5	57.500.000
18	18	N04.01. 010	Cannula tĩnh mạch đùi hai tầng cỡ 23Fr/25Fr	- Cannulae tĩnh mạch đùi 2 tầng cỡ 23Fr/25Fr (đường kính 7.7mm/8.3mm), dùng trong phẫu thuật tim phẫu trường nhỏ/Phẫu thuật tim có hỗ trợ nội soi. - Độ dài hiệu dụng: 72.5cm - Đầu kết nối dây cỡ 3/8" và 1/2"	Cái	9.881.000	5	49.405.000
			4.2 Ống dẫn lưu, ống hút					

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
19	19	N04.02. 030	Ống dẫn lưu qua da có khóa RLC kích thước 6.5F,7.5F,8.5F,10F,12F,14F với chiều dài 15, 25 và 40 cm	Ống dẫn lưu qua da có khóa, kích thước: 6.5F, 7.5F 8.5F, 10F, 12F, 14F với chiều dài catheter 15, 25 và 40 cm. Để ngăn ngừa sự kích ứng các mô xung quanh, đầu tip cong hình đuôi lợn khi được đặt trong cơ thể bệnh nhân. Đầu nhọn và lớp phủ ái nước giúp đưa vào trơn nhẵn và giảm sự khó chịu cho bệnh nhân. Thiết kế giúp dễ dàng thực hiện với cơ chế khóa bằng một tay và cũng có thể chống lại sự giả mạo. Điểm đánh dấu cản quang được gắn trên thân ống. Ống thông 6.5F-10F có 8 lỗ thoát dịch; 12F và 14F có 9 lỗ thoát dịch	Cái	2.500.000	15	37.500.000
			4.3 Ống nối, dây nối, chạc nối					
20	20	N04.03. 100	Bộ Manifolds 3 cổng	Bộ phận kết nối Manifold làm bằng chất liệu Poly Carbonate áp lực cao lên tới 500 PSI có 3 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. Cổng xoay phải On hoặc Off. Đi kèm Manifold gồm có: -1 Bơm tiêm loại 10ml và 12ml -2 ống truyền dịch -1 Ống dài chịu lực 500 PSI	Bộ	380.000	300	114.000.000
21	21	N04.03. 100	Manifolds 2, 3 cửa	Bộ kết nối (manifold) chịu áp lực cao lên tới 500psi. Có 2,3,4 cổng phù hợp với nhu cầu sử dụng khác nhau. Riêng đối với loại 3 cổng (Có sẵn dây nối dài 20cm đối với cổng kết nối dạng xoay) * Thân trong suốt giúp quan sát dễ dàng. * Cổng xoay ON, OFF dùng được cho cả người thuận tay trái và tay phải.	Cái	180.000	500	90.000.000
22	22	N04.03. 100	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch	Thiết kế block body, 2 cổng hoặc 3 cổng. Chịu được áp lực cao 500 đến 600 psi. Van khóa xoay 3 hướng, dễ dàng, mềm mại, màu trắng. Trong suốt dễ dàng quan sát dòng chảy và phát hiện bọt khí. Đầu nối Luer tương thích cổng. Khóa dạng xoay.	Cái	98.000	300	29.400.000
			4.4 Catheter					

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
23	23	N04.04. 020	Ống thông dẫn đường nòng kép	Ống thông dẫn đường kép 2 nòng chất liệu PTFE có phủ Hydrophilic đầu mềm, có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, kích cỡ 6F và 5F. Ống thông ngoài dài 95cm trong đó đầu xa dài 7cm, ống thông nòng trong dài 117cm, chiều dài đầu xa 7cm, chiều dài đoạn phủ Hydrophilic là 15cm.	Cái	6.000.000	150	900.000.000
24	24	N04.04. 010	Ống thông (Catheter) chụp động mạch vành loại mềm	Kích thước: 4Fr, 5Fr dài từ 80cm đến 110 cm. Cấu trúc 3 lớp: Lớp giữa là lớp đan kép, lớp trong và ngoài bằng Nylon-polyurethane. Cỡ 5Fr có lòng rộng 1,2mm và cỡ 4Fr có lòng rộng 1,03mm đường kính. Đầu catheter mềm mại. Hình dạng đặc trưng: vành phải (Judkin right), vành trái (Judkin left), thất trái và quai động mạch chủ (Pigtail), Multipurpose.	Cái	500.000	400	200.000.000
			5.3 Dao phẫu thuật					
25	25	N05.03. 040	Tay dao mổ điện 3 giắc	Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, chiều dài của dây 1000 mm trở lên, cán dao có 2 nốt ON và OF, phích cắm điện cực gồm 1 chân, dùng cho máy mổ điện cao tần 3 giắc. Sử dụng một lần.	Cái	39.160	1.000	39.160.000
26	26	N05.03. 040	Tay dao hàn mạch máu dùng cho mổ mở, hàm phủ nano	Tay dao hàn mạch máu kèm cắt. Chiều dài mỗi hàn 20-36mm, vết cắt 18-34mm. Mũi dao nhọn cong, hàm phủ nano, chiều dài tay dao 18-23cm.	Cái	23.735.000	20	474.700.000
			6.1 Van nhân tạo, mạch máu nhân tạo					

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
27	27	N06.01. 040	Vòng van hai lá các cỡ	Vòng van bán cứng, loại kín, dùng cho vị trí van hai lá. Lõi làm từ MP35N (chấn xạ, có thể thấy trên x-quang), bao bởi silicone và bao ngoài bằng vải polyester. Có 3 marker đánh dấu bằng chỉ màu trên vòng van, 2 marker ở vị trí trigone, 1 ở vị trí chính giữa đánh dấu trung tâm của vòng van. Một điểm đánh dấu làm từ silicone bao bởi Barium sulfate giúp nhìn thấy trên hình ảnh X-quang. Giúp dễ dàng sửa vòng van với cầu hình nhỏ hơn 20%. Trong thì tâm thu, vòng van giúp tái cấu trúc, đưa van hai lá về tỷ lệ 3:4 (đường kính trước sau: đường kính ngang) bình thường. Kích cỡ: 28mm, 30mm, 32mm	cái	13.980.000	20	279.600.000
28	28	N06.01. 040	Vòng van tim nhân tạo ba lá các cỡ	Vòng van mềm, loại hở, dùng cho cả vị trí 2 lá và 3 lá. Bao ngoài là lớp vải polyester, mặt cắt ngang 3mm, có 3 điểm đánh dấu bằng chỉ màu trên vòng van, 2 điểm đánh dấu ở vị trí trigone (vòng van hai lá) hoặc mép van (vòng van ba lá) và 1 ở vị trí chính giữa đánh dấu trung tâm của vòng van. Một điểm đánh dấu làm từ silicone bao bởi Barium sulfate giúp nhìn thấy trên hình ảnh X-quang. Kích cỡ: 27mm, 29mm, 31mm	cái	13.980.000	20	279.600.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
29	29	N06.01.030	Van tim nhân tạo cơ học hai lá không gây tiếng động các cỡ	Van nhân tạo cơ học hai lá. - Van cơ học thiết kế gờ nổi, không hốc hay lõm sâu, tránh hình thành huyết khối - Góc đóng cánh van 25 độ, góc mở cánh van 85 độ - Thiết kế rửa trực liên tục ở cả vị trí mở và đóng giúp rửa nhẹ nhàng các tế bào hồng cầu và giảm tan máu. - Được làm bằng pyrolytic carbon với dải tăng cường bằng titan mỏng cung cấp tỷ lệ lỗ trên lỗ lớn trong khi vẫn giữ được tính toàn vẹn của cấu trúc - Kích thước: + Van cơ học hai lá: 27mm tương ứng với diện tích khả dụng: 3.84 cm² + Van cơ học hai lá: 29mm tương ứng với diện tích khả dụng: 4.59 cm² + Van cơ học hai lá: 31mm tương ứng với diện tích khả dụng: 5.35 cm² + Van cơ học hai lá: 33mm tương ứng với diện tích khả dụng: 5.35 cm²	cái	28.850.000	10	288.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
30	30	N06.01. 030	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ không gây tiếng động các cỡ	Van nhân tạo cơ học động mạch chủ không gây tiếng động - Van cơ học thiết kế gờ nổi, không hốc hay lõm sâu, tránh hình thành huyết khối - Góc đóng cánh van 25 độ, góc mở cánh van 85 độ - Thiết kế rửa trực liên tục ở cả vị trí mở và đóng giúp rửa nhẹ nhàng các tế bào hồng cầu và giảm tan máu. - Được làm bằng pyrolytic carbon với dải tăng cường bằng titan mỏng cung cấp tỷ lệ lỗ trên lỗ lớn trong khi vẫn giữ được tính toàn vẹn của cấu trúc - Kích thước: + Van cơ học động mạch chủ: 19mm tương ứng với diện tích hình học 1.55 cm² + Van cơ học động mạch chủ: 21mm tương ứng với diện tích hình học 2.02cm² + Van cơ học động mạch chủ: 23mm tương ứng với diện tích khả dụng: 2.56 cm² + Van cơ học động mạch chủ: 25mm tương ứng với diện tích khả dụng: 3.17 cm²	cái	28.850.000	10	288.500.000
31	31	N06.01. 030	Van tim nhân tạo cơ học hai lá không gây tiếng động	Van tim nhân tạo cơ học hai lá thiết kế gờ nổi (không lõm hay hốc sâu). Vật liệu: + Chất nền: Graphite chứa 20% tungsten hỗ trợ bắt cản quang cho van - Khung van: titanium hoặc MP35N, thành phần hợp kim cobalt-chromium alloy. + Lớp phủ ngoài: solid pyrolytic carbon. Góc mở cánh van khoảng 85 độ, góc đóng cánh van khoảng 25 độ Kích cỡ van: 22mm, 24mm, 26mm Diện tích hình học tương ứng: 3.17cm², 3.84cm², 4.59mm +Trục quay đặc biệt giúp chuyển động của lá van đáp ứng với nhu cầu của cơ thể và hiệu suất thủy động học cao.	cái	39.800.000	10	398.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
32	32	N06.01. 030	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ không gây tiếng động	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ thiết kế gờ nổi (không lõm hay hốc sâu). Vật liệu: + Chất nền: Graphite chứa 20% tungsten hỗ trợ bắt cân quang cho van Khung van: titanium hoặc MP35N, thành phần hợp kim cobalt- chromium alloy. + Lớp phủ ngoài: solid pyrolytic carbon. Góc mở cánh van khoảng 85 độ, góc đóng cánh van khoảng 25 độ Kích cỡ van : 22mm, 24mm, 26mm Diện tích khả dụng tương ứng: 3.17cm ² , 3.84cm ² , 4.59cm ² +Trục quay đặc biệt giúp chuyển động của lá van đáp ứng với nhu cầu của cơ thể và hiệu suất thủy động học cao.	cái	39.800.000	10	398.000.000
33	33	N06.01. 030	Van hai lá sinh học các cỡ	Van được sản xuất từ màng tim lợn. Mức độ thoái hóa van thấp, có độ bền cao và dễ dàng thay van. Hệ thống Cinch dễ cấy ghép. Thiết kế van Supra-annular đảm bảo hiệu quả dòng chảy. Điểm bắt cân quang trên van bằng Haynes alloy #25. - Van sinh học hai lá có các cỡ từ 27mm, 29mm, 31mm Van tim sinh học có độ bền van nên tới 20 năm không thoái hóa (trên 97% bệnh nhân cấy), sử dụng vật liệu T6 (sodium dodecyl sulfate) giúp loại bỏ phospholipid trên bề mặt lá van, khung stent bằng acetal homopolymer giúp hấp thụ lực tác động nên van trong quá trình máu đi qua van sau khi cấy van. .	cái	54.000.000	10	540.000.000
34	34	N06.01. 030	Van động mạch chủ sinh học các cỡ	Van được sản xuất từ màng tim lợn. Mức độ thoái hóa van thấp, có độ bền cao và dễ dàng thay van. Hệ thống Cinch dễ cấy ghép. Điểm bắt cân quang trên van bằng Haynes alloy #25. - Van sinh học động mạch chủ có các cỡ từ 21mm, 23mm, 25mm Van tim sinh học có độ bền van nên tới 20 năm không thoái hóa (trên 97% bệnh nhân cấy), sử dụng vật liệu T6 (sodium dodecyl sulfate) giúp loại bỏ phospholipid trên bề mặt lá van,	cái	54.000.000	10	540.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
				khung stent bằng acetal homopolymer.				
35	35	N06.01. 050	Van tim sinh học ĐMC có khung stent làm từ polymer	Van tim sinh học làm từ màng tim lợn, được bảo quản trong dung dịch glutaraldehyd 0.2%. Khung stent được làm từ polymer bọc bằng lớp vải polyester giúp giảm áp lực lên lá van và dễ dàng sử dụng trong cả phẫu thuật ít xâm lấn. Công nghệ tạo áp lực thủy tĩnh lên gốc động mạch chủ trong khi chênh áp trên bề mặt lá van bằng 0 giúp lá van có thể đóng mở một cách dễ dàng. Ngoài ra, công nghệ giúp chống canxi hóa lá van. Với van động mạch chủ có thể đặt cả vị trí intra-annular hoặc supra-annular. Kích cỡ: Van động mạch chủ 21mm, 23mm, 25mm, 27mm	cái	99.000.000	5	495.000.000
36	36	N06.01. 030	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da (kèm hệ thống nạp van và chuyên van)	Van động mạch chủ sinh học thay qua da - Có khung van làm bằng chất liệu Nitinol, chiều cao 45mm, có khả năng ghi nhớ hình dạng và có thể tự giãn, có đánh dấu cản quang, lá van làm bằng màng tim heo cho khả năng chịu lực tốt. - Van được xử lý với dung dịch Alpha-amon Oleic Acid (AOATM) chống vôi hóa, tiết khuẩn. - Van có 04 kích thước: 23, 26, 29, 34 mm. - Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da bao gồm 01 bộ nạp van và 01 hệ thống catheter chuyên van và 01 van động mạch chủ tự bung. Hệ thống catheter chuyên van có kích thước 14F, 16F. Cho phép thu hồi và đặt lại vị trí van. Hoặc tương đương loại van động mạch chủ sinh học thay qua da.	bộ	600.000.000	3	1.800.000.000
37	37	N06.01. 010	Mạch máu nhân tạo các loại, các cỡ	Chất liệu Polyester, được thiết kế dệt kim. Đoạn mạch được ngâm tẩm collagen . Độ thấm nước 0.02 ml/cm2/phút. Tẩm với collagen tinh khiết cao không chứa aldehyde và isocyanate. Độ dày thành mạch khoảng 0.5 mm. Các cỡ 14x7; 16x8; 18x9; 20x10	Cái	13.100.000	10	131.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
38	38	N06.01.010	Mạch máu nhân tạo các loại, các cỡ	Chất liệu Polyester phủ Collagen. Độ dài 30cm, đường kính 24-34mm. Thiết kế dẹt thoi. Độ thấm nước 0.36 ml/cm2/phút. Tẩm với collagen tinh khiết không chứa aldehyde và isocyanate. Độ dày thành mạch khoảng 0.5 mm	Cái	13.500.000	10	135.000.000
39	39	N06.01.010	Mạch thẳng dài	- Cấu trúc hai lớp nhưng đan 2 mặt trong và ngoài giúp tăng sự hòa nhập mảnh ghép với mô xung quanh - Tẩm nhuộm bằng gelatin bò bằng liên kết chéo với Isocyanate ngăn sự thấm máu qua thành mạch ra ngoài, thời gian gelatin hấp thu hoàn toàn 4-8 tuần - Chiều dài 60cm; đường kính 6; 8mm	Cái	9.680.000	20	193.600.000
			6.2 Giá đỡ (stent)					
40	40	N06.02.040	Giá đỡ đường mật tự giãn nở bằng nitinol nhớ hình	Khung giá đỡ tự giãn nở bằng hợp kim nickel titanium (nitinol), hệ thống bung stent Pin - Pull. Đường kính 9,10,12,14mm, chiều dài 20,30,40,60,80mm, độ dài ống thông có gắn stent 80cm và 120cm, sử dụng dây dẫn 0.035” Thiết kế mắt lưới hở (open lattice design) Sử dụng công nghệ EX.P.R.T trong hệ thống bung stent giúp loại bỏ hiện tượng bung sớm hoặc nhảy stent. 2 marker bắt cản quang chất liệu Tantalum Chỉ định: sử dụng để mở thông hẹp động mạch ngoại vi và đường mật Tương thích với dụng cụ mở đường 6F.	Cái	22.000.000	15	330.000.000
41	41	N06.02.100	Khung giá đỡ (stent) mạch não tự giãn nở, dùng trong điều trị xơ vữa động mạch nội sọ có thể thu hồi	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ, đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0mm, chiều dài 15mm, 20mm. Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm. Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent	Cái	71.000.000	3	213.000.000
			6.4 Xương, sụn, khớp, gân nhân tạo					

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
42	42	N06.04. 053	Khớp gối toàn phần có xi măng	- Lõi cầu: chất liệu Cobalt Chrome. Có tối thiểu 8 size trái phải với độ dày khác nhau. Chiều dài $\leq 59 - \geq 80$mm, chiều rộng có tối thiểu 8 cỡ $\leq 51 - \geq 76$mm. - Mâm chày: Chất liệu Titanium Alloy, có tối thiểu 8 size chuẩn và 3 size cộng. Chiều dài mâm chày có tối thiểu 9 cỡ $\leq 54 - \geq 86$mm. Chiều rộng mâm chày có tối thiểu 9 cỡ $\leq 40 - \geq 64$mm. Chiều dài chuôi gồm tối thiểu 4 cỡ $\leq 31 - \geq 41$mm. - Lót đệm mâm chày: chất liệu Polyethylene cao phân tử. Có tối thiểu 8 size chuẩn và 7 size cộng, độ dày tối thiểu 4 cỡ $\leq 10 - \geq 17$mm. Chiều cao môi sau: ≤ 11mm - ≥ 12mm - Xi măng được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer khoảng 14.4g vô trùng và một gói bột polymer khoảng 40g bọc vô trùng 2 lớp	Bộ	60.000.000	10	600.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
43	43	N06.04. 053	Khớp gối toàn phần có xi măng loại cố định	Bánh chè - Chất liệu UHMWPE Với các kích cỡ như sau : đường kính 28 độ dày 8mm, đường kính 32 độ dày 8mm , đường kính 32 độ dày 10mm, đường kính 35 độ dày 10mm, đường kính 38 độ dày 10mm, đường kính 41 độ dày 10mm. Lõi cầu xương đùi - Lõi cầu xương đùi có xi măng , vật liệu CoCrMo . Thiết kế phải trái riêng biệt theo giải phẫu , mặt trước nghiêng 5 độ , mặt sau nghiêng 4 độ để giảm notching . Với 6 kích cỡ phải - trái lần lượt là : 0 , 1 , 2 , 3 , 4 , 5 Thiết kế rãnh sâu hạn chế tiếp xúc bánh chè * Lớp đệm - Lớp đệm mâm chày loại cố định, chất liệu nhựa cao phân tử UHMWPE, thiết kế theo kích cỡ của mâm chày với 6 kích cỡ lần lượt là : 0 , 1 , 2 , 3 , 4 , 5 . Mỗi kích cỡ có độ dày như sau: 10mm , 12mm , 14mm , 17mm , 20mm. * Mâm chày: Mâm chày cố định có xi măng , thiết kế đặc biệt 2 trong 1 có thể dùng chung cho cả trái và phải . Chất liệu CoCrMo với 6 kích cỡ lần lượt là : 0 , 1 , 2 , 3 , 4 , 5 * Xi măng kháng sinh '- Gói 40g bột đã được tiệt trùng , trong đó bao gồm : POLYMETHYL METHACRYLATE 82.68% w/w , BARIUM SULPHATE 10.00% , BENZOYL PEROXIDE 3.00% , GENTAMICIN SULPHATE 4.22% , COLOURED PIGMENTS 0.10% . '- Một lọ dung dịch 16,7g đã được tiệt trùng bao gồm : METHYLMETHACRYLATE 98.20% , N,N-DIMETHYL-p-toluidine 1.80%	Cái	65.000.000	10	650.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
44	44	N06.04. 054	Bộ khớp vai bán phần có xi măng	* Chuôi cánh tay có xi măng : - Vật liệu : Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) với L 80 mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn từng cái, 01 cái/ hộp. - Đủ các các loại với đường kính x chiều dài = 12x80mm ; 14x80mm ; 16x80mm ; 18x80mm , 20x80mm . * Cổ chuôi (Đầu cánh tay với khoá) Vật liệu : hợp kim Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) cùng với vít khoá Có 3 kích cỡ với đường kính x chiều cao lần lượt là: 16x31mm; 16x34mm; 16x37mm * Đầu nối - Vật liệu: Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) có 4 kích cỡ 0 : +2 : +4 :+8 * Đầu chỏm khớp: -Vật liệu : Cầu tạo bởi hợp kim CoCrMo - Có 8 kích cỡ với đường kính x chiều cao như sau : từ 40x14.8mm , 42x15mm , 44x16mm , 46x17mm , 48x18mm , 50x19mm , 52x20mm , 54x21mm . * Xi măng: Gói 40g bột đã được tiệt trùng, trong đó bao gồm : POLYMETHYL METHACRYLATE 82.68% w/w, BARIUM SULPHATE 10.00%, BENZOYL PEROXIDE 3.00%, GENTAMICIN SULPHATE 4.22%, COLOURED PIGMENTS 0.10%. - Một lọ dung dịch 16,7g đã được tiệt trùng bao gồm: METHYLMETHACRYLATE 98.20% , N,N-DIMETHYL-p-toluidine 1.80%	Bộ	65.000.000	5	325.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
45	45	N06.04.054	Khớp vai toàn phần không xi măng	* Chuôi cánh tay không xi măng: - Vật liệu: Titanium 6Al-4V (Ti6Al4V) với chiều dài từ 60 - 80 mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn - Kích thước: 11x60mm; 12x60mm; 13x60mm; 14x80mm; 15x80mm; 16x80mm; 17x80mm; 18x80mm; 19x80mm; 20x80mm; 21x80mm; 22x80mm; 23x80mm; 24x80mm. * Đầu cánh tay với khoá Vật liệu : hợp kim Ti6Al4V cùng với vít khoá *Lớp đệm Reverse liner - Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UMHWPE) thiết kế theo độ dày 0 (STD) ; +3mm; +6mm * Chỏm ngượcChỏm ngược đường kính 36mm - Chất liệu CoCrMo - Có 2 loại lệch tâm và không lệch tâm * Ổ chảo + Vít nổi ổ chảo với chỏm Ổ chảo (METAL BACK GLENOIDS) - Cấu tạo hợp kim Ti6Al4V + PoroTi + HA - Có 4 kích cỡ Small - R (SR) ; Small (S) ; Standard (STD) ; Large (L) * Vít xương Vít xương chất liệu Titanium (Ti6Al4V) - Đường kính 6,5mm dài 20 đến 40mm, bước tăng là 5mm	Bộ	133.000.000	5	665.000.000
			6.5 Miếng vá, mảnh ghép					
46	46	N06.05.010	Miếng vá tái tạo màng cứng tự dính 15 x 15cm	- Miếng vá tái tạo màng cứng - Vật liệu: Poly-L-Lactic Acid và Porcine Gelatin - Có khả năng tự tiêu hoàn toàn trong vòng 12 tháng - sử dụng 2 cách: Tự dính hoặc khâu. - Kích thước 15 x 15cm	Miếng	19.000.000	10	190.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
47	47	N07.04. 070	Lưới chữa thoát vị bẹn	Miếng lưới vá thoát vị bẹn, thành bụng cỡ 7.5x15cm. * Chất liệu: Sợi Monofilament Polypropylene, * độ dày 0,5mm chịu được áp lực và kháng lực cao. * Kích thước lỗ: 1.2*0.9 mm * Trọng lượng: 57 g/m2 * Độ bền (Lực căng đứt): 750.0 kPa, Độ bền kéo thẳng (lực căng kéo thẳng) : Dọc 275N; Ngang 250N không dính, trong suốt, mềm mại, chắc chắn.	Miếng	457.000	250	114.250.000
			7.1 Tim mạch và X- quang can thiệp					
48	48	N07.01. 030	Bộ laser điều trị suy giãn tĩnh mạch	Bộ Lase điều trị suy giãn tĩnh mạch, gồm: Sợi quang phát tia Laser diode; Dây dẫn phẫu thuật; Bộ luồn can thiệp nội mạch; Kim luồn phẫu thuật - Công nghệ phát tia toả tròn 2 vòng 360 độ, chia cường độ thành hai giai đoạn (2 vòng) dẫn tới sự đóng tĩnh mạch hiệu quả. - Độ dài sợi quang: 2,5 m - Đường kính đầu sợi quang: 1,85mm - Tương thích với bộ luồn can thiệp 6 Fr	bộ	17.000.000	150	2.550.000.000
49	49	N07.01. 030	Bộ laser điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển nhỏ	Bộ Lase điều trị suy giãn tĩnh mạch hiển nhỏ, gồm: - Sợi quang phát tia Laser diode (sản xuất tại Đức) - Bộ kit can thiệp: Dây dẫn phẫu thuật, Bộ luồn can thiệp nội mạch, Kim luồn phẫu thuật (sản xuất tại Thụy Điển). - Công nghệ phát tia laser bước sóng 1470nm toả tròn 360 độ; đường kính đầu sợi laser nhỏ, giúp dễ dàng đưa sợi quang vào tĩnh mạch hiển nhỏ. - Độ dài sợi quang: 2,5 m - Đường kính đầu sợi quang: 1,25mm - Tương thích với bộ luồn can thiệp 4 Fr	bộ	17.000.000	50	850.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
50	50	N07.01.050	Bộ dụng cụ vít cố định khung giá đỡ động mạch chủ	Bộ dụng cụ vít cố định khung giá đỡ động mạch chủ giúp cố định stent graft vào thành mạch máu bằng cơ chế cơ học, sử dụng trong những tổn thương có giải phẫu phức tạp, hỗ trợ trong xử lý stent graft trôi tuột sau đặt, hoặc endoleak tuýp I. Gồm 2 loại: +Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ ngực: Ống thông điều chỉnh hướng giúp định hình vị trí đặt chân ghim dài 90cm, đường kính ngoài 18Fr. Điều khiển cầm tay đặt chân ghim dài 114cm, đường kính ngoài 12Fr. +Loại dùng trong can thiệp động mạch chủ bụng: Ống thông điều chỉnh hướng giúp định hình vị trí đặt chân ghim dài 62cm, đường kính ngoài 16Fr Điều khiển cầm tay đặt chân ghim dài 86cm, đường kính ngoài 12Fr.	Bộ	145.000.000	2	290.000.000
51	51	N07.01.060	Catheter đốt tưới lạnh có rãnh tưới nước muối bao quanh đầu điện cực, đầu có thể uốn cong loại 2 hướng	Catheter đốt tưới dung dịch 2 hướng. Kích cỡ: 8F Nhiều kiểu cong có thể lựa chọn. Đầu uốn cong 2 hướng đối xứng hoặc bất đối xứng. Góc cong từ 180 đến 230 độ. Khoảng cách điện cực: 1-4-1 mm. Cực ở đầu xa có chiều dài 4 mm Có rãnh tưới dung dịch bao xung quanh và 4 lỗ tưới ở đầu điện cực Chiều dài: 115 cm Phụ kiện gồm: 02 dây truyền lạnh	Cái	65.000.000	10	650.000.000
52	52	N07.01.060	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Thiết bị phẫu thuật rung nhĩ bằng sóng cao tần iRF, công nghệ iRF kết hợp dung dịch muối, có ống phân phối chất lỏng nước muối chiều dài 304,8 cm, Trục thép không gỉ dễ uốn với vỏ bọc silicone / fluoropolymer dài 8.0cm	cái	24.000.000	5	120.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
53	53	N07.01.060	Đầu đốt đơn cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Thiết bị phẫu thuật rung nhĩ bằng sóng cao tần iRF, công nghệ iRF kết hợp dung dịch muối, có ống phân phối chất lỏng nước muối chiều dài 304,8 cm, Trục thép không gỉ dễ uốn với vỏ bọc silicone / fluoropolymer dài 20cm.	cái	24.000.000	5	120.000.000
54	54	N07.01.060	Bộ đầu đốt đơn cực và lưỡng cực dùng trong phẫu thuật điều trị rung nhĩ, sử dụng sóng cao tần	Bộ dụng cụ phẫu thuật đốt rung nhĩ (AF) đơn cực và lưỡng cực sử dụng sóng cao tần với nước tưới iRF có dây truyền dịch dài 304,8 cm.	cái	51.000.000	3	153.000.000
55	55	N07.01.090	Bộ dụng cụ khoan phá mảng xơ vữa qua ống thông phủ kim cương	Bao gồm: 01 Mũi khoan phủ kim cương, 01 Dây lái - Mũi khoan phủ kim cương dài 135cm các cỡ từ 1.25mm đến 2.50mm Mũi khoan hình elip được phủ từ 2000 - 3000 tinh thể kim cương ở bề mặt đầu xa, bề mặt đầu gần mũi khoan nhẵn mịn - Dây lái dùng trong khoan phá mảng xơ vữa qua ống thông dài 330cm, đường kính 0.014". Có 2 loại: + Đầu dây thon dần giúp tối ưu sự linh hoạt, giảm thiểu dây bị đâm xuyên trong trường hợp đi trong mạch thẳng. Chiều dài đầu 2,2cm; + Tăng khả năng hỗ trợ cho mũi khoan, đầu thon dần (tapper) ngăn giúp dây dẫn dễ đi xuyên trong mạch thẳng. Chiều dài đầu 2,8cm.	Bộ	40.952.500	20	819.050.000
56	56	N07.01.090	Dung dịch bôi trơn mũi khoan dùng trong khoan phá mảng xơ vữa qua ống thông	Dung dịch bôi trơn mũi khoan dùng trong khoan phá mảng xơ vữa qua ống thông (Rotablator) giúp làm giảm ma sát và tăng cảm giác tay khi dùng. Đóng lọ 20cc. Thành phần: Dầu ô liu, lòng đỏ trứng, phospholipids, sodium deoxycholate, L-histidine, disodium EDTA, sodium hydroxide, nước.	Lọ	2.475.000	20	49.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
57	57	N07.01. 100	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Đường kính trong lớn giúp tăng cường lực hút và củng cố độ uyển chuyển khi điều hướng ở đầu xa trên - Đường kính trong 0,07", đường kính ngoài đầu gần 0.0825" - Chiều dài làm việc 125cm (chiều dài đầu xa là 19cm, chiều dài đầu gần là 106cm) hoặc 131 cm (chiều dài đầu xa 19cm và chiều dài đầu gần là 112cm), đầu thẳng. - Lòng ống rộng hơn nên hút được huyết khối lớn hơn	Cái	29.500.000	50	1.475.000.000
58	58	N07.01. 100	Giá đỡ mạch thần kinh	Là stent được làm bằng nitinol và có khả năng tự bung, có các đường kính 4 và 6mm với chiều dài từ 20, 40 mm. Thiết kế mở, gấp cuộn "parametric", một marker đầu gần, ba marker đầu xa (với solitaire đường kính 4) và 4 marker đầu xa (với solitaire đường kính 6). cứ 10mm trên thân solitaire sẽ có 3 marker vòng quanh thân stent. nhằm giúp tái thông mạch máu bằng cách loại bỏ cục máu đông từ những mạch máu nội sọ lớn ở bệnh nhân bị đột quỵ nhồi máu não trong thời gian 8 tiếng từ khi khởi phát. Có thể dùng cho bệnh nhân mà không đáp ứng IVt-PA hoặc những người chống chỉ định IVt-PA.	Cái	45.000.000	100	4.500.000.000
59	59	N07.01. 110	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay	- Nguyên liệu: PVC và silicone: dẻo dai, chống xoắn - Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay Onset Radial Introducer Kit bao gồm: Kim chọc nội mạch, Guide wire phủ hydrophilic (đầu thẳng, đầu J hoặc đầu cong 135 độ), dao mổ, sheath, Xylan, dilator - Sheath 4F, 5F, 6F Chiều dài 5cm và 7cm. Kim chọc 20G, Chiều dài wire 45cm. Đk wire 0.018", 0.021", 0.025" - Sheath 4F, 5F, 6F Chiều dài 11cm và 24cm. Kim chọc 20G, Chiều dài wire 45cm và 70cm. Đk wire 0.021" - Sheath 7Fx5cm, kim chọc 20G, Đk wire 0.021", chiều dài wire 45cm, 70cm - Sheath 7Fx11cm, kim chọc 20G, ĐK wire 0.021", chiều dài 45cm - Sheath 7Fx24cm. kim chọc 20G, ĐK wire 0.021", chiều dài 70cm	Cái	560.000	600	336.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
				- Sheath 7F chiều dài 7cm và 11cm, Kim chọc 20G, ĐK wire 0.018", chiều dài wire 45cm, 70cm				
60	60	N07.01. 150	Catheter chẩn đoán 20 cực, lái hướng	Catheter chẩn đoán 20 điện cực, lái hướng Kích thước: 7F Tay cầm trợ lực lái hướng, kiểm soát các chuyển động cực nhỏ. Tự động khóa lái hướng, không cần dùng lực liên tục để duy trì độ cong đầu catheter. Kiểu cong siêu lớn (Super Large Curl) Đầu catheter mềm, không bền. Bề rộng điện cực: 1 mm. Điện cực đầu catheter: 2 mm Khoảng cách điện cực: 2-10-2 (mm) Chiều dài 95 cm	Cái	42.500.000	10	425.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
61	61	N07.01. 211	Phổi nhân tạo kèm dây dẫn cho bệnh nhân trên 40kg	Bộ phổi nhân tạo có tích hợp phin lọc động mạch, sử dụng công nghệ tạo bó sợi từng lớp. Thiết kế và chất liệu: - Loại màng: Microporous polypropylene sợi rỗng, - Diện tích bề mặt lớp màng: khoảng 2.5m², có màng lọc bên trong với kích thước lỗ lọc 25 micromet - Bộ phận trao đổi nhiệt làm bằng vật liệu Polyethylene Terephthalate (PET) - Thể tích mỗi tĩnh: 260ml - Dung tích bình chứa: 4500ml - Lưu lượng máu tối đa: 7 lít/phút - Có van điều tiết áp lực âm dương - Áp suất nước tối đa: 30psi - Công ra động mạch: 3/8 inches - Cổng tĩnh mạch vào: 3/8 inches - Cổng hoàn lưu : 1/4 inches - Cổng vào của khí: 1/4 inches - Cổng thoát khí: 3/8 inches - Cổng nước: 1/2 inches ngắt kết nối nhanh Bộ dây dẫn chạy tim phổi nhân tạo chất liệu PVC, silicone, bao gồm 4 gói: gói dùng trên bơm (10 dây), gói dùng tại bàn phẫu thuật (6 dây), gói co nối (8 co nối) và gói hút (1 cái) . Trong đó, có 1 quả bóng áp lực, 1 dây silicone dài 80” 3/8x3/32, 1 dây silicone 32" 1/4x1/16 và một số dây khác.	Bộ	15.500.000	70	1.085.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
62	62	N07.01. 230	Bơm áp lực cao có van dùng trong can thIỆP tim mạch Revas	Bộ bơm bóng áp lực cao bao gồm bơm áp lực cao có kết nối luer xoay và bộ nối Y adaptor pushing click có nối sẵn dây áp lực cao kèm stopcock 3 ngã, dụng cụ xoay dây dẫn, kim luồn dây dẫn. Áp lực chịu được tối đa đến 30 atm, thể tích 20 ml Đồng hồ bơm áp lực thể hiện đơn vị atm và psi đồng thời phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp. Vật liệu Polycarbonate có vạch chia mức đậm. Tay cầm kiểu T cổ điển với tính năng chống trượt. Cơ chế khóa kiểu nút nhấn, unlock khi nhấn, tự động lock sau khi thôi nhấn. Áp suất về 0 tức thời khi unlock. Vòng bảo vệ và ngăn cản gãy tay trong quá trình thao tác	Cái	980.000	400	392.000.000
63	63	N07.01. 230	Bơm áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch	Bộ bơm bóng áp lực cao bao gồm bơm áp lực cao có kết nối luer xoay. Áp lực chịu được tối đa đến 30 atm, thể tích 20 ml. Đồng hồ bơm áp lực có nền phát quang trong điều kiện ánh sáng thấp. Vật liệu Polycarbonate. Tay cầm Ergonomic Grip, kiểu T cổ điển. Cơ chế khóa kiểu nút nhấn, unlock khi nhấn, tự động lock sau khi thôi nhấn. Áp suất về 0 tức thời khi unlock. Chiều dài dây áp lực: 20 cm $\pm$ 10%, Đường kính dây: 1.8 mm $\pm$ 15%.	Bộ	1.150.000	400	460.000.000
64	64	N07.01. 240	Bóng nong mạch não loại 2 lòng	Bóng nong được gắn trong ống thông 2 lòng, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017. Đường kính ngoài đầu xa-gần là 2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. Áp lực danh nghĩa 6atm, áp lực tối đa 14 atm.	Cái	22.000.000	10	220.000.000
65	65	N07.01. 250	Dây bơm áp lực cao, dây bơm cân quang áp lực cao các loại, các cỡ	Chịu áp lực 200Psi; KT: 1.5ID x 3.0OD; dài 30-150cm. Làm từ nhựa chịu áp lực NP-46B-G. Màu trắng trong suốt.	Cái	45.000	200	9.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
66	66	N07.01. 250	Dây nối áp lực cao	Là dây nối chịu được áp lực cao dùng để nối dài khi cần sử dụng trong thủ thuật can thiệp, sản phẩm cũng có thể được sử dụng để nối dài kết nối cho các thiết bị y tế khác. Sản phẩm bao gồm 3 thành phần sau: 01 đầu nối khóa luer đực (dạng xoay), nắp dây luer 01 đoạn ống dây nối áp lực cao và 01 đầu nối khóa luer cái (dạng cố định), nút chặn. Chỉ sử dụng một lần. Áp lực tối đa: 1200 psi Đường kính trong: 1.8 mm Đầu nối hình côn (Luer) Dây nối áp lực cao dùng cho y tế phải nguyên vẹn đủ các thành phần, màu sắc trong suốt. Độ trong suốt phải đủ để nhìn thấy bọt khí và màu của dung dịch/chất lỏng chảy trong lòng ống dây. Sản phẩm gồm các loại (tùy chọn): Chiều dài 25 – 250 cm tùy thuộc vào mã sản phẩm Dây được làm từ vật liệu PU cao cấp có bền xoắn Hai đầu dây là khóa luer đực dạng xoay và khóa luer cái dạng cố định.	Cái	105.000	1.000	105.000.000
67	67	N07.01. 260	Dây đo áp lực	- Chất liệu PUR (polyurethane). - Chịu được áp lực cao $\geq 900\text{Psi}$ - Một đầu đực, một đầu cái. Đầu đực có đai vặn. - Dài 125cm, đường kính 2 đầu bằng 1,5 và 2,7mm.	Cái	34.650	100	3.465.000
68	68	N07.01. 280	Dụng cụ đóng lỗ thông liên nhĩ	Thiết bị đĩa đôi tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông liên nhĩ. Phần eo tự định tâm lấp đầy khiếm khuyết. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester giúp đóng lỗ và tăng tốc độ phát triển mô. An toàn và hiệu quả: tỷ lệ đóng lỗ 97.2% trong 6 tháng. Kích cỡ đa dạng: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18,19,20,22,24,26,28,30,32,34,36,38,40mm.	Cái	44.000.000	20	880.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
69	69	N07.01. 280	Dù đóng còng ống động mạch loại 1 cánh	Thiết bị tự bung rộng được thiết kế cho việc đóng lỗ thông còng ống động mạch, cung cấp chắc chắn vị trí an toàn trong còng ống động mạch và làm giảm tắc mạch. Thiết bị có thể dễ dàng thu lại và tái định vị cho vị trí tối ưu. Chất liệu Nitinol và đan xen Polyester giúp đóng lỗ và tăng tốc độ phát triển mô. Tỷ lệ đóng 98.4% ở mức 6 tháng. Kích cỡ đa dạng: 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14mm.	Cái	24.000.000	20	480.000.000
70	70	N07.01. 310	Phụ kiện cắt cuộn nút mạch não	Vỏ bằng chất dẻo, dạng hình trụ, dễ thao tác. Sử dụng để cắt được khoảng 20 coils liên tục, động tác đơn giản, nhanh, an toàn	Cái	2.250.000	2	4.500.000
71	71	N07.01. 370	Chất lỏng truyền tắc mạch máu 1.5 ml	Hệ thống chất lỏng truyền tắc mạch là sự kết hợp của Polymer Ethylene Vinyl Alcohol (EVOH), DMSO và Tantalum gây tắc hoàn toàn các tổn thương mạch ngoại biên. Có đặc tính không dính với ống thông. Độ nhớt cao, dễ kiểm soát Một hệ thống sẽ gồm có: 01 lọ 1.5ml, một lọ 1.5ml, một bơm tiêm 1ml, và 2 bơm tiêm 1ml Một hệ thống sẽ gồm có: 01 lọ 1.5ml, một lọ 1.5ml, một bơm tiêm 1ml, và 2 bơm tiêm 1ml	Cái	17.500.000	20	350.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
72	72	N07.01. 403	Máy tạo nhịp tái đồng bộ CRT 3 buồng, với đáp ứng tần số sinh lý CLS, chụp được MRI	Bộ máy tạo nhịp gồm có: Máy tạo nhịp tái đồng bộ CRT-P 1 cái. Dây dẫn tín hiệu 3 cái. Dụng cụ đưa dây dẫn vào xoang vành 2 cái, ống thông bơm thuốc cản quang vào xoang vành 1 cái. Kim dò tĩnh mạch 03 cái. Tính năng kỹ thuật của máy chính: - Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ (CRT-P) 3 buồng. Dùng dây thất trái 4 cực. - Tương thích MRI 1,5 Tesla và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 2 W/kg với phát hiện tự động từ trường MRI. - Thời gian hoạt động 9 năm 8 tháng với đầy đủ thống kê, kể cả ghi lại tiền sử 3 kênh điện tim. - Kích thước máy: 53 mm × 53 mm × 6.5 mm - Nhịp cơ bản đến 200 n/p. - Có nhịp thích ứng CLS, giúp giảm rung nhĩ. - Có kết nối wireless, có chương trình Home Monitoring theo dõi từ nhà. Đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi. - Có thể chọn từ 13 véc-tơ tạo nhịp thất trái. - Dây điện cực tạo nhịp dùng kim chọc 6F, tương thích MRI toàn thân 1,5 và 3 Tesla đến 4 W/Kg. Có lớp phủ fractal Iridium. - Dây thất trái 4 cực đường kính (isodiametric) 4,8F để bác sỹ có nhiều chọn lựa điện cực thất trái. Dây đạt tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla đến 2 W/Kg.	Bộ	240.000.000	2	480.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
73	73	N07.01. 430	Vật liệu nút mạch hình cầu	Vật liệu nút mạch pha sẵn dung tích hạt 2ml - Chất liệu Acrylic polymer + gelatin. - Được chỉ định trong nút các mạch máu, điều trị hoặc tiền phẫu thuật, trong các quy trình sau đây: * Nút các khối u tăng sinh mạch máu, bao gồm u xơ tử cung, viêm màng não. * Nút động mạch tuyến tiền liệt để giảm các triệu chứng liên quan đến tăng sinh tuyến tiền liệt * Nút các dị dạng động tĩnh mạch. * Nút cầm máu. Vật liệu có thể nén tạm thời lên tới 33% để đi qua vi ống thông dễ dàng. Kích cỡ: 40 - 1200 µm	Xylan h	5.800.000	30	174.000.000
74	74	N07.01. 430	Hạt nút mạch	Hạt dạng hình cầu, tồn tại dưới dạng những trung thể mờ đục - Chất liệu Polyfit - Kích thước hạt không hiệu chuẩn , độ đàn hồi cao, khả năng nén tốt, không dính vào nhau khi đi qua vi ống thông, không có khả năng tái hấp thụ, cản quang tốt - Đường kính hạt từ Hạt nút mạch 100-300µ; 300-500µ; 500- 700µ; 700-900µ,900-1100µ. - Đóng gói tiệt trùng.	Lọ	5.680.000	40	227.200.000
75	75	N07.01. 430	Hạt nhựa nút mạch kích thước từ 40- 1.300 micromet	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Kích thước hạt: 250µm; 400µm; 500µm; 700µm; 900µm; Ống 2ml	Ống	5.700.000	30	171.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
76	76	N07.01. 440	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan các loại, các cỡ	Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan - Thành phần: Hydrogel - Hạt vi cầu tắc mạch tái hóa chất PVA (Polyvinylalcohol), kích thước các cỡ: 100-300 µm, 300-500µm, 500-700µm. - Thời gian tải thuốc trong khoảng 30-90 phút tùy kích thước hạt khi tải với Doxorubicin 25mg/ml đảm bảo tải $\geq 98\%$ lượng thuốc tương ứng. - Hạt sau khi tải doxorubicin bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được 14 ngày hoặc 7 ngày nếu đã trộn cản quang. - Khả năng ngậm thuốc doxorubicin đến 37.5mg/ml hạt.	Lọ	31.500.000	50	1.575.000.000
77	77	N07.01. 440	Hạt nhựa tải thuốc điều trị ung thư gan	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt Tandem (hấp thụ đến 100mg thuốc với 2ml hạt, hấp thụ đến 150mg thuốc với 3ml hạt). Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: $40 \pm 10 \mu\text{m}$; $75 \pm 15 \mu\text{m}$; $100 \pm 25 \mu\text{m}$. Đóng gói: dạng lỏng, chứa trong syringe 2ml hoặc 3ml.	Ống	31.200.000	90	2.808.000.000
78	78	N07.01. 440	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan. Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200µm	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan. - Chất liệu Poly (Sodium acrylate vinyl alcohol) copolymer. - Được chỉ định để sử dụng trong nút mạch máu kết hợp hoặc không kết hợp doxorubicin HCl cho các mục đích điều trị hoặc tiền phẫu thuật theo các quy trình: Ung thư biểu mô tế bào gan; Ung thư Di căn vào gan. Vật liệu kết hợp với irinotecan được sử dụng dùng trong nút mạch ung thư trực tràng (mCRC) di căn vào gan. - Kích cỡ hạt khô từ 20 - 200 µm được đựng trong lọ 10ml, khối lượng 25mg, kích thước hạt sau khi ngậm thuốc tăng gấp 4 lần so với kích thước hạt khi còn khô (80-800++µm). - Số lượng hạt/ lọ: từ 9.400 - 2.100.000 hạt tùy kích cỡ	lọ	33.600.000	40	1.344.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
79	79	N07.01. 470	Cuộn nút mạch não	Chất liệu Platinum, có 2 loại 3D và Helix, đường kính sợi coil tăng dần: 0.0115", 0.0125", 0.0135" và 0.0145", chiều dài cuộn coil từ 1-50cm. Cắt bằng cơ học	Cái	13.485.000	100	1.348.500.000
80	80	N07.01. 470	Vòng xoắn kim loại (coils) bít túi phình mạch não không phủ gel	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D,... Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm.	Cái	13.500.000	150	2.025.000.000
81	81	N07.01. 480	Catheter lập bản đồ 10 điện cực, dạng vòng, có cảm biến từ trường, loại 2 hướng	Catheter lập bản đồ tim, dạng vòng, có cảm biến Lái hướng 180 độ Kiểu cong 2 hướng bất đối xứng: DF 2 điện cực trên trục để nhận diện catheter Kích thước thân: 7.5F, vòng 4F Có 10 điện cực Kích thước vòng: 15 mm Bề rộng điện cực 1 mm. Điện cực đầu catheter: 2 mm. Khoảng cách điện cực: 3-3-3 mm Chiều dài 105 cm	Cái	68.000.000	10	680.000.000
82	82	N07.01. 480	Catheter lập bản đồ 10 điện cực, dạng vòng, có cảm biến từ trường, loại 2 hướng	Catheter lập bản đồ tim, dạng vòng, có cảm biến Lái hướng 180 độ Kiểu cong 2 hướng bất đối xứng 2 điện cực trên trục để nhận diện catheter Kích thước thân: 7.5F, vòng 4F Có 10 điện cực Kích thước vòng: 20 mm Bề rộng điện cực 1 mm. Điện cực đầu catheter: 2 mm. Khoảng cách điện cực: 5-5-5 mm Chiều dài 105 cm	Cái	68.000.000	10	680.000.000
83	83	N07.01. 480	Cáp nối cho catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm biến từ trường	Tương thích với các loại catheter chẩn đoán cảm ứng từ trường. Một đầu cáp kết nối vào hệ thống lập bản đồ tim 3 chiều. Các kênh được chỉ dẫn kết nối. Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn. Gồm 12 chân cắm. Chiều dài 150 cm.	Cái	15.000.000	3	45.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
			7.2 Lọc máu, lọc màng bụng					
84	84	N07.02. 000	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Acid)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g - Calci clorid.2H ₂ O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H ₂ O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Dextrose monohydrat: 38,50 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Lít	17.000	270.000	4.590.000.000
85	85	N07.02. 000	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc (Bicarbonat)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri bicarbonat: 84,0 g - Nước đạt tiêu chuẩn ISO 13959 vừa đủ: 1.000 ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Lít	17.000	330.000	5.610.000.000
			7.4 Tiêu hóa					
86	86	N07.04. 040	Dụng cụ (máy) khâu cắt tự động sử dụng trong kỹ thuật cắt trĩ Longo	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật cắt trĩ Longo với cơ chế an toàn kép. Khoang chứa mô trong suốt, có vạch đánh dấu để đo lường khoảng cách từ đường răng lược, có 4 cổng lấy chỉ, đường kính 32-34mm, có 32 - 34 ghim. Chiều cao ghim khi mở: 3.8mm, chiều cao ghim khi đóng: 1.5mm. Đường kính ghim: 0.28mm. Ghim làm được làm bằng Titanium TA2. Vỏ ngoài đe được làm bằng thép không gỉ - Lớp vật liệu: 06Cr19Ni10 . Có 5 phụ kiện đi kèm: - Cổng nong hậu môn hình tròn - Cổng nong hậu môn hình cánh bướm - Dụng cụ hỗ trợ khâu vòng - Dụng cụ nong hậu môn - Dụng cụ móc chỉ	Cái	8.100.000	50	405.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
87	87	N07.04. 050	Dụng cụ (máy) khâu cắt tự động mô mỡ các cỡ 60mm, 80mm.	Dụng cụ (máy) khâu cắt nối tự động dùng trong phẫu thuật mô mỡ, gồm một tay súng cỡ 60mm, 80mm đi kèm 1 băng ghim tương ứng dài 60mm, 80mm. Chiều cao ghim khi mở từ 3.8 mm, chiều cao ghim khi đóng: 1.5mm. Tay súng gọn nhẹ phủ cao su chống trượt. Được làm bằng thép không gỉ - Lớp vật liệu: 06Cr19Ni10. Nút tháo rời được làm bằng Polyphthalamide. Không có Latex, không có Phthalate (DEPH, BBP & DPB). Tương thích với băng ghim cùng loại.	Cái	5.200.000	30	156.000.000
88	88	N07.04. 050	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mô mỡ, chiều dài 80mm	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mỡ. Dùng cho băng ghim dài 80mm, 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao lần lượt từ trong ra ngoài là 3mm-3.5mm-4mm. Khoảng đóng ghim 1.5mm-2.25mm	Cái	6.900.000	5	34.500.000
89	89	N07.04. 070	Mảnh ghép thoát vị bẹn nhẹ đơn sợi 6x11cm	Mảnh ghép thoát vị ben nhẹ đơn sợi, chất liệu Polypropylene, tỷ trọng lưới nhẹ 38g/m2 giúp giảm dị vật trên cơ thể bệnh nhân, giảm phản ứng viêm. Lỗ lưới hình lục giác, kích thước tối ưu: 1.5mm giúp mô phát triển tốt. Lưới xếp, co giãn đa chiều. Kích thước miếng lưới 6x11cm phù hợp giải phẫu trong mô mỡ.	Miếng	970.000	100	97.000.000
			7.6 Chấn thương, chỉnh hình					
90			Bộ nẹp titan hàm trên			2.620.000	500	1.310.000.000
	90	N07.06. 040	Nẹp titan hàm trên các cỡ (1 cái/bộ)	Loại thẳng. Vật liệu titanium phổ màu hoặc quang sáng kháng khuẩn. 4 lỗ = 16mm; 6 lỗ = 22,5mm; 8 lỗ = 28mm. Lỗ vít 2.0, các lỗ liền kề, nẹp dày 1mm.	Cái	1.080.000	500	
	91	N07.06. 040	Vít titan 2.0 các cỡ (7 cái/bộ)	Chất liệu titanum - Vít Ø 2.0 mm; đường kính mũ vít 3.0 mm; đường kính thân vít 2.0 mm, dài 5-17 mm. Làm cho nẹp mini hàm trên - Đầu vít hình chữ thập - Vít tự khoan, tự taro	Cái	220.000	3.500	

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
				- Đường rãnh trên mũi vít chế tạo đảm bảo không bị nhòn, lỏng khi bắt, không toe đầu vít.				
91			Bộ nẹp titan hàm dưới			4.580.000	120	549.600.000
	92	N07.06. 040	Nẹp titan hàm dưới liền kề thẳng các cỡ (1 cái/bộ)	Loại thẳng các cỡ nẹp liền kề. Vật liệu titanium phủ màu hoặc quang sáng kháng khuẩn. 4 cỡ = 17,5mm; 6 cỡ = 26,5; 8 cỡ = 35,5mm. Lỗ nẹp vít 2.3, nẹp dày 1.5mm.	Cái	1.980.000	120	
	93	N07.06. 040	Vít hàm titan 2.3 các cỡ (10 cái/bộ)	Vít 2.3 mm; chất liệu titanium; đường kính mũ vít 3.0 mm; đường kính thân vít 2.3 mm, dài 5,7,9 mm. Làm cho nẹp macxi hàm dưới, đầu vít tự taro, mũ vít hình 4 cạnh.	Cái	260.000	1.200	
			7.7 Huyết học, truyền máu					
92	94	N07.07. 010	Kít thu nhận tiểu cầu túi đơn	Bộ kít có gắn sẵn các đường dây, các túi thu tiểu cầu, túi thu huyết tương, kênh ly tâm Kín, vô trùng, có filter lọc vi khuẩn trên đường dây chống đông Có filter lọc vi khuẩn trên đường dây chống đông Thu đồng thời: + Tiểu cầu túi đơn (thu 1 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu) + Huyết tương Có filter lọc 200 microns trên đường trả máu về Có bầu bẫy khí trên đường trả máu về Bộ kít có hệ thống giảm thiểu bạch cầu Bộ kít chỉ dùng 1 kim Thể tích ngoài tuần hoàn 196 ml	bộ	2.970.000	200	594.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
93	95	N07.07. 030	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu nhằm phát hiện Heparin với các mẫu máu tươi hoàn toàn trong phẫu thuật tim mạch, phẫu thuật mạch máu và tạo hình mạch vành (PTCA). Mỗi ống mẫu chứa 12% Kaolin, 0.05M CaCl ₂ , dung dịch đệm HEPES (hydroxyethyl-piperazine-ethanesulfonic axit) & chất diệt khuẩn Sodium azide. Cần sử dụng song song 2 ống mẫu cùng lúc. Cần làm ấm các ống mẫu 3-5 phút (tối đa 12h) trước khi sử dụng. Chỉ cần thêm 0.4ml mẫu thử vào mỗi ống mẫu.	Cái	103.000	900	92.700.000
			Nhóm 8. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác					
94	96	N00.00. 000	Van cầm máu loại trượt	Giúp hạn chế mất máu và tạo ra một lối vào trơn tru để đưa thiết bị can thiệp vào ống thông. Van 3 bậc tiện dụng. Thiết kế thuận tiện cho phép thao tác bằng 1 tay. Loại van: Trượt. Loại kim: Đầu tù. Van đóng mở: ON/OFF. Chiều dài dây áp lực: lên tới 25 cm. Đường kính dây: 1-5 mm. Đường kính trong của van: 0.3 cm ± 10%. Áp suất van cầm máu: 300 psi.	Bộ	170.000	50	8.500.000
95	97	N03.03. 130	Kim đốt sóng cao tần	Điện cực có hệ thống làm lạnh bên trong Với các kích thước: Kim đốt sóng cao tần đường kính 17G, chiều dài kim 15cm, chiều dài đầu phát nhiệt 20mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 17G, chiều dài kim 15cm, chiều dài đầu phát nhiệt 25mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 17G, chiều dài kim 20cm, chiều dài đầu phát nhiệt 25mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 17G, chiều dài kim 20cm, chiều dài đầu phát nhiệt 30mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 17G, chiều dài kim 25cm, chiều dài đầu phát nhiệt 20mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 17G, chiều dài kim 25cm, chiều dài đầu phát nhiệt 25mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 17G, chiều dài kim 25cm, chiều dài đầu phát nhiệt 30mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 18G, chiều dài kim 07cm, chiều dài đầu phát nhiệt 05mm; Kim đốt sóng cao tần đường kính 18G, chiều dài kim 07cm, chiều dài đầu phát nhiệt 07mm	Cái	17.800.000	100	1.780.000.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
96	98	N08.00. 130	Kim đốt sóng cao tần thay đổi chiều dài đầu hoạt động	- Kim có nhiều kích thước và độ dài và đầu phát nhiệt khác nhau - Đường kính kim: 18G, 17G, và 15G - Chiều dài từ 100-350mm - Đầu phát nhiệt điều chỉnh được từ 5-30mm và từ 15-40mm, có thể thay đổi độ dài trên cùng một kim bằng nút gạt tay - Thích hợp cho một bệnh nhân có nhiều khối u và những khối u nằm sát bộ phận quan trọng	Cái	21.600.000	50	1.080.000.000
97	99	N08.00. 130	Bộ dụng cụ đốt nhiệt bằng công nghệ vi sóng (điều trị khối u tuyến giáp, u vú)	Dùng để điều trị phá hủy khối u giáp, u vú bằng công nghệ vi sóng MWA Bộ kim đốt gồm có 3 bộ phận kết hợp: Kim đốt nhiệt + dây dẫn nước tuần hoàn + cáp kết nối kim với hệ thống phát sóng Kim đốt nhiệt sử dụng công nghệ vi sóng MWA. Bước sóng điều trị: Tần số 2450 ± 20 MHz. Quang phổ vi sóng: 300MHz-300MHz. 'Đường kính kim 17G, Tip 3;3,5;5 mm, chiều dài kim đốt 100mm. 'Đường kính kim 16G, Tip 3;3,5;5 mm, chiều dài kim đốt 100mm. Kim đốt sử dụng công nghệ làm mát, tuần hoàn bằng nước. Nhiệt độ thân kim khi đốt ≤ 37 độ C. Phần tay cầm có 2 loại: Tay cầm loại thẳng hoặc tay cầm chữ L. Có 2 đầu dây khớp với hệ thống máy bơm nước tuần hoàn. Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa y tế, thân kim đốt làm bằng titan có phủ lớp chống dính.	Bộ	22.000.000	50	1.100.000.000
98	100	N08.00. 130	Bộ dụng cụ đốt nhiệt bằng công nghệ vi sóng (điều trị khối u gan, phổi)	Dùng để điều trị phá hủy khối u gan, u phổi hoặc u thận bằng công nghệ vi sóng MWA Bộ kim đốt gồm có 3 bộ phận kết hợp: Kim đốt nhiệt + dây dẫn nước tuần hoàn + cáp kết nối kim với hệ thống phát sóng Kim đốt nhiệt sử dụng công nghệ vi sóng MWA. Bước sóng điều trị: Tần số 2450 ± 20 MHz.	Bộ	27.970.000	50	1.398.500.000

STT phần	STT mặt hàng	Mã TT 04/2017	Tên VTYT mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng dự kiến	Thành tiền dự kiến
				Quang phổ vi sóng: 300MHz-300MHz. Đường kính kim: 16G, Tip: 10mm có chiều dài 150mm. Kim đốt sử dụng công nghệ làm mát, tuần hoàn bằng nước. Nhiệt độ thân kim khi đốt ≤ 37 độ C. Phần tay cầm có 2 loại: Tay cầm loại thẳng hoặc tay cầm chữ L. Có 2 đầu dây khớp với hệ thống máy bơm nước tuần hoàn. Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa y tế, thân kim đốt làm bằng titan có phủ lớp chống dính.				
99	101	N08.00. 380	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Kim đầu cong 18G dài 3 1/4", thân kim có chia vạch. - Có bơm tiêm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng dễ dàng và chính xác - Catheter bằng polyamid không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngàm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc. - Đầu nối catheter dạng nắp bật tránh tình trạng vắn quá mức gây tắc catheter - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2 micron giúp tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. - Bơm tiêm 20ml, bơm tiêm 3ml và 3 kim tiêm G25,G21,G18	Cái	262.500	2.000	525.000.000
100	102	N08.00. 010	Băng (đạn) ghim khâu cắt mổ mở các cổ 60mm, 80mm.	Băng (đạn) ghim khâu cắt dùng trong mổ mở các cổ 60mm,80mm. Chiều cao ghim khi mở: 3.8 mm, chiều cao ghim khi đóng: 1.5mm. Chiều dài đường ghim 64mm, 84mm tương ứng với chiều dài đường cắt 60mm, 80mm. Ghim được làm bằng Titanium TA2, dập hình chữ B chuẩn. Lưỡi dao kèm băng ghim, cơ chế khóa tự động an toàn. Tương thích với tay dụng cụ mổ mở cùng loại.	Cái	1.700.000	200	340.000.000
Tổng cộng								64.371.320.000